TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2023/DS-ST
Ngày 31 – 5 – 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đàm Thị Thanh Loan.

2. Bà Trần Thị Mỹ Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Văn Diễn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 và 31 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2023/TLST-DS ngày 31 tháng 03 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị M, sinh năm 1968; địa chỉ: Khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Lê N, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ A, ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang (theo văn bản ủy quyền ngày 18-4-2023, có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Trần Thị Kim A; địa chỉ: Khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: Khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên

đơn bà Phạm Thị M trình bày:

Do có quen biết nên vào ngày 29-6-2022 âm lịch, vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Kim A hỏi vay của bà số tiền 190.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 02%/tháng, thời hạn vay là 02 tháng, mục đích vay để trả tiền thức ăn nuôi heo. Khi vay có làm biên nhận và vợ chồng ông T, bà A cùng ký tên.

Đến ngày 29/8/2022, vợ chồng ông T, bà A tiếp tục hỏi vay số tiền 57.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 02%/tháng, thời hạn vay là 02 tháng, mục đích vay để trả tiền thức ăn nuôi heo. Khi vay có làm biên nhận và vợ chồng ông T, bà A cùng ký tên.

Từ khi vay tiền đến nay thì vợ chồng ông T, bà A không có đóng lãi, không trả tiền vốn của cả hai khoản vay nêu trên.

Theo đơn khởi kiện, bà Phạm Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị Kim A trả cho bà Phạm Thị M số tiền vốn của 02 khoản vay là 190.000.000 đồng và 57.000.000 đồng, tổng cộng là 247.000.000 đồng.

2. Yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất thỏa thuận giữa hai bên là 2%/tháng với các khoản vay như sau: Đối với số tiền 190.000.000 đồng, lãi tính từ ngày 29-6-2022 âm lịch cho đến khi xét xử, đối với số tiền 57.000.000 đồng, lãi tính từ ngày 29-8-2022 âm lịch cho đến khi xét xử.

Ý kiến của bị đơn Trần Thị Kim A:

Bà Trần Thị Kim A thừa nhận có giao dịch vay tiền với bà Phạm Thị M để mua thức ăn nuôi heo. Tuy nhiên, bà A chỉ vay của bà M số tiền 57.000.000 đồng vào 03 lần, cụ thể:

- Ngày 20-01-2021 vay số tiền 20 triệu đồng.

- Ngày 16-3-2021 vay số tiền 20 triệu đồng.

- Ngày 30-5-2021 vay số tiền 17 triệu đồng.

Ngoài ra bà Trần Thị Kim A thiếu tiền hụi của bà M 3.000.000 đồng, tổng cộng là 60.000.000 đồng, thỏa thuận tiền lãi là 6 triệu đồng/ tháng, bà A có đóng lãi hàng tháng từ ngày 30-5-2021 đến 30-02-2022, tổng tiền lãi đã đóng là 54.000.0000 đồng. Từ ngày 30-02-2022 trở về sau thì bà A không có đóng lãi. Đến ngày 30-7-2022, bà M đe dọa, gây áp lực buộc bà A phải ký biên nhận nợ 190.000.000 đồng. Vì lo sợ gia đình hàng xóm biết vụ việc vỡ nợ xảy ra nên bà A mới ký tên vào biên nhận này và ký ngày 30-7-2022.

Bà A thừa nhận chữ ký và chữ viết tên Trần Thị Kim A trong 02 biên nhận do bà M cung cấp là của bà A, còn chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Văn T là do bà ký thay cho ông T. Nhưng quá trình vay tài sản bà M kêu bà qua nhà ký tên rất nhiều lần, nên không xác định được hai biên nhận này ký khi nào và khi ký thì ghi nội dung gì. Do vậy, bà Trần Thị Kim A cho rằng thực tế bà A chỉ nợ bà M số tiền 60.000.000 đồng, đã đóng lãi được 09 tháng, mỗi tháng 6.000.000 đồng. Tuy nhiên, nay ý kiến bà A đồng ý trả 190.000.000 đồng vì đã lỡ ký vào biên nhận,

còn số tiền 57.000.000 đồng đã được bà M cộng lãi nhập vốn rồi ghi vào biên nhận 190.000.000 đồng nên bà không đồng ý trả.

Ý kiến của bị đơn Nguyễn Văn T:

Ông thống nhất với ý kiến của vợ ông là bà Trần Thị Kim A. Ông yêu cầu Tòa án bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chỉ buộc vợ chồng ông phải trả số nợ 190.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất, yêu cầu tính lãi trên nợ gốc trong hạn theo mức lãi suất 20%/năm kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Ngoài ra nguyên đơn không có yêu cầu khác.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến về quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả số nợ gốc 247.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn với mức lãi suất 20%/năm kể từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn đang cư trú tại Khóm T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ. Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất, yêu cầu áp dụng mức lãi suất 20%/năm (1,66%/tháng). Xét thấy, việc thay đổi này không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên HĐXX chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn trả số nợ gốc đã vay 190.000.000 đồng theo biên nhận ngày 29-6-2022 âm lịch. Tại phiên tòa, các bị đơn thừa nhận nghĩa vụ trả số nợ 190.000.000 đồng theo biên nhận ngày 29-6-2022 âm lịch do nguyên đơn cung cấp. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn trả số nợ gốc đã vay 57.000.000 đồng theo biên nhận ngày 29-8-2022 âm lịch. Biên nhận do nguyên đơn cung cấp có thể hiện chữ ký, chữ viết của các bị đơn là bà Trần Thị Kim A và ông Nguyễn Văn T. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Trần Thị Kim A thừa nhận chữ ký, chữ viết của mình trong biên nhận này và đồng thời thừa nhận chữ ký, chữ viết tên Nguyễn Văn T là do bà ký và viết thay ông T. Bị đơn cho rằng số tiền vay 57.000.000 đồng này đã được nguyên đơn cộng lãi nhập

vào vốn thành biên nhận 190.000.000 đồng, hứa sẽ hủy bỏ biên nhận 57.000.000 đồng nhưng vẫn giữ đến nay. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày của mình thì bà Trần Thị Kim A không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh; không đưa ra được có sự thỏa thuận chuyển nợ từ biên nhận 57.000.000 đồng sang biên nhận 190.000.000 đồng. Đồng thời, bà A cũng thừa nhận trong suốt quá trình hai bên giao dịch vay tiền thì chỉ có 02 người là bà Phạm Thị M và bà Trần Thị Kim A, không có ai chứng kiến. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền gốc đã vay 57.000.000 đồng theo biên nhận ngày 29-8-2022 âm lịch là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự.

[5] Xét yêu cầu trả lãi trên nợ gốc trong hạn đến ngày xét xử sơ thẩm: Các biên nhận vay tiền thể hiện hai bên có thỏa thuận lãi suất 2%/tháng là vượt quá mức lãi suất quy định. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu Tòa án áp dụng mức lãi suất 1,66%/tháng (tức 20%/năm) là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; hướng dẫn tại Điều 9 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được HĐXX chấp nhận. Đối với khoản vay 190.000.000 đồng, tiền lãi = 190.000.000 đồng x 10 tháng 04 ngày x 1,66%/tháng = 31.960.500 đồng (làm tròn). Đối với khoản vay 57.000.000 đồng, tiền lãi = 57.000.000 đồng x 08 tháng 07 ngày x 1,66%/tháng = 7.790.000 đồng (làm tròn). Tổng tiền lãi là 39.750.500 đồng.

[6] Về nghĩa vụ trả nợ, xét thấy mặc dù ông T không ký tên vào các biên nhận vay tiền, nhưng tại phiên tòa ông T thừa nhận việc bà A vay tiền là để chăn nuôi và phục vụ nhu cầu của gia đình, là khoản nợ vay phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn T, Trần Thị Kim A có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ vay là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên được HĐXX chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 466, Điều 468, Điều 469 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị M.

Buộc các bị đơn Trần Thị Kim A, Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị M số tiền vay còn nợ tổng cộng là 286.750.500 đồng (hai trăm tám mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn năm trăm đồng) trong đó vốn gốc là 247.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi bảy triệu đồng) và tiền lãi 39.750.500 đồng (ba mươi chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn Trần Thị Kim A, Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 14.337.500 đồng (mười bốn triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

- Nguyên đơn bà Phạm Thị M không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Phạm Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.175.000 đồng (sáu triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0006481 ngày 30-3-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

3. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 02/2023/QĐ-BPKCTT, ngày 31-3-2023 của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Lâm